

Số: 1463/TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐHQG HN

CÔNG VĂN ĐẾN

Ngày 21/11/2019 số: 722...

## THÔNG BÁO

Về định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ năm học 2019- 2020

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 297/HD-ĐHQGHN ngày 03/02/2017 của ĐHQGHN về tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương đào tạo đại học, thạc sĩ tại ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-ĐHNN ngày 10/8/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN về việc ban hành Quy định công nhận các chứng chỉ năng lực ngoại ngữ để xét miễn học, ghi điểm các học phần thực hành tiếng và xét chuẩn đầu ra ngoại ngữ chuyên tại Trường Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-ĐHNN ngày 05/7/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN về việc ban hành định dạng đề thi xét chuẩn đầu ra Ngoại ngữ chuyên đối với các thứ tiếng khác tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN;

Căn cứ Công văn số 5545/BGDĐT-QLCL ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi ĐGNLNN theo các định dạng đề thi ĐGNLNN theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo năm học 2019-2020 của Trường ĐHNN - ĐHQGHN;

Trường ĐHNN - ĐHQGHN thông báo định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên bậc đại học và học viên sau đại học của ĐHQGHN năm học 2019 - 2020 cụ thể như sau:

1. Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 (VSTEP.3-5) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phụ lục 1) được áp dụng đối với các đối tượng đăng ký tham dự kỳ thi ĐGNL tiếng Anh:

- Sinh viên chuyên tiếng Anh và không chuyên tiếng Anh;
- Học viên Sau đại học.

2. Định dạng đề thi đánh giá năng lực các ngoại ngữ khác ban hành kèm theo Hướng dẫn số 297/HD- ĐHQGHN ngày 03/02/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc hướng dẫn tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ tại ĐHQGHN (*Phụ lục 2*) được áp dụng đối với các đối tượng đăng ký thi ĐGNLNN (trừ tiếng Anh):

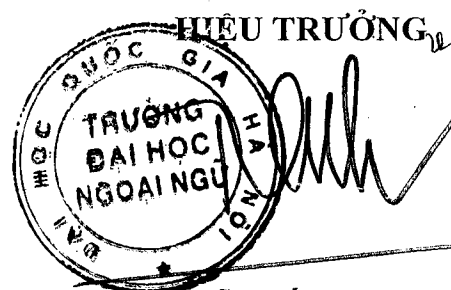
- Học viên Sau đại học;
- Sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ thi ngoại ngữ không chuyên.

3. Định dạng đề thi xét chuẩn đầu ra ngoại ngữ chuyên đối với các thứ tiếng khác tiếng Anh ban hành kèm theo Quyết định số 1316/QĐ-ĐHNN ngày 05/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ- ĐHQGHN (*Phụ lục 3*) được áp dụng đối với sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ đăng ký thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ chuyên: tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn.

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị ĐT trong ĐHQGHN (phối hợp thực hiện);
- Khoa SDH, Khoa Tiếng Anh (phối hợp thực hiện);
- Phòng Đào tạo, các Khoa ĐT;
- Lưu: HCTH, KT, HY40.



**Đỗ Tuấn Minh**

**Phụ lục 1: Định dạng đề thi VSTEP.3-5**

| Bài thi   | Thời gian  | Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi   | Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi   | Mục đích   |
|-----------|--|---|---|--|
| Nghe hiểu | Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời. | 3 phần, 35 câu hỏi đa lựa chọn (MCQ)                                    | Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi đa lựa chọn (MCQ) đã in sẵn trong đề thi.   | Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.                         |
| Đọc hiểu  | 60 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.        | 4 bài đọc, 40 câu hỏi đa lựa chọn                                       | Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi đa lựa chọn sau mỗi bài đọc.   | Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh. |
| Viết      | 60 phút  | 2 bài viết  | Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết.<br>Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng kiến thức và trải nghiệm của mình để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.  | Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết sản sinh.  |
| Nói       | 12 phút  | 3 phần:<br>Tương tác xã hội<br>Thảo luận giải pháp<br>Phát triển chủ đề | Phần 1: Tương tác xã hội<br>Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau.<br>Phần 2: Thảo luận giải pháp<br>Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại.<br>Phần 3: Phát triển chủ đề<br>Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình.<br>Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên. | Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.  |

**Bảng điểm quy đổi của VSTEP.3-5**

| <b>Điểm TB</b> | <b>Bậc năng lực</b> | <b>Mô tả tổng quát</b>   |
|----------------|---------------------|--|
| 0 – 3,5        | Không xét           | Không có mô tả   |
| 4,0 – 5,5      | 3                   | Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng ngôn ngữ. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.                        |
| 6,0 – 8,0      | 4                   | Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau. |
| 8,5 - 10       | 5                   | Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng có kiểm soát các kiểu tổ chức văn bản, sử dụng tốt các liên từ, và các phương tiện liên kết.   |

**Phụ lục 2: Định dạng bài thi ĐGNLNN**

| <b>Môn thi, Thời gian</b>             | <b>Định dạng bài thi</b>  | <b>Mục đích</b>   |
|---------------------------------------|---|---|
| <b>1. Từ vựng-Ngữ pháp</b><br>25 phút | Chọn phương án trả lời đúng<br>40 câu/2 phần<br><i>Phần 1:</i> Tìm lỗi sai trong câu<br><i>Phần 2:</i> Chọn từ đúng để hoàn thành câu   | Đánh giá các kỹ năng nhận biết câu đúng của ngôn ngữ đích.<br>Kiểm tra khả năng sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp phù hợp trong tình huống của ngôn ngữ đích.           |
| <b>2. Đọc</b><br>55 phút              | Chọn phương án trả lời đúng<br>50 câu/3 hoặc 5 bài đọc<br>Các bài đọc có các chủ đề khác nhau<br>Mỗi bài đọc có độ dài từ 500-700 từ  | Đánh giá kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt các thông tin theo yêu cầu của đề thi.   |
| <b>3. Nghe</b><br>≈ 35 phút           | Chọn phương án trả lời đúng<br>50 câu/3 phần<br><i>Phần 1:</i> Nghe các hội thoại ngắn<br><i>Phần 2:</i> Nghe hội thoại có độ dài vừa phải<br><i>Phần 3:</i> Nghe bài nói chuyện, bài giảng...  | Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin theo yêu cầu trong đề   |
| <b>4. Viết</b><br>60 phút             | Viết 2 bài<br><i>Bài 1:</i> Viết thư theo một chủ đề cho trước. Độ dài tối thiểu 150 từ<br><i>Bài 2:</i> Viết bài luận. Độ dài tối thiểu 250 từ   | Đánh giá khả năng viết bằng ngôn ngữ đích, đặc biệt kỹ năng hiểu và phân tích số liệu; kỹ năng viết bài luận.   |
| <b>5. Nói</b><br>10 phút              | Phỏng vấn trực tiếp không có chuẩn bị trước<br>3 phần/đề<br><i>Phần 1:</i> Chào hỏi và giới thiệu bản thân<br><i>Phần 2:</i> Giao tiếp theo tình huống<br><i>Phần 3:</i> Tranh luận theo chủ đề | Đánh giá khả năng diễn đạt ngôn ngữ đích của thí sinh thông qua giao tiếp trực tiếp với giám khảo, giao tiếp theo tình huống và tranh luận với giám khảo theo chủ đề. |

**Phụ lục 3: Định dạng đề thi CĐR Ngoại ngữ chuyên: Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn**

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI XÉT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ CHUYÊN  
CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHNN-ĐHQGHN**

**I. MIÊU TẢ CHUNG**

**1. Bài thi Nghe**

- Thời gian: 25 - 30 phút (bao gồm cả thời gian nghe và thời gian chuyển câu hỏi sang phiếu trả lời – nếu có/tùy từng ngoại ngữ)
- Nghe 1 lần
- Số lượng: 20-30 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Bài thi gồm 3-4 phần
- Yêu cầu: nghe các đoạn độc thoại và đoạn hội thoại từ ngắn đến dài và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Đánh giá: Khả năng nghe hiểu thông tin chính, chi tiết, mục đích giao tiếp, quan điểm và mối liên hệ giữa những người tham gia đối thoại; xác định chủ đề, nơi chốn, tình huống; kỹ năng nghe hiểu quan điểm, thái độ của người tham gia hội thoại; kỹ năng nghe hiểu lập luận của người nói
- Chủ đề: đa dạng, phong phú bao gồm các chủ đề liên quan đến đời sống thường nhật, các vấn đề học thuật trừu tượng, các chủ đề chuyên môn, xã hội tương đối phức tạp

**2. Bài thi Đọc**

- Thời gian: 40 - 50 phút
- Số lượng: 15-40 câu
- Yêu cầu: Đọc 3 - 8 văn bản (tùy thuộc vào độ dài ngắn của văn bản) và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn
- Đánh giá: Kỹ năng đọc hiểu các thông tin cụ thể trong văn bản; khả năng hiểu các chi tiết nhỏ, các miêu tả chi tiết của một quá trình; kỹ năng xác định và hiểu ý chính, các chi tiết quan trọng, phức tạp như thái độ, quan điểm của tác giả trong văn bản, nội dung chuyên ngành phong phú, đa dạng; kỹ năng đọc hiểu hàm ngôn và dẫn chiếu từ văn bản
- Ngữ liệu: Các văn bản dài 350-700 từ (hoặc quy chiếu ra số lượng kí tự tương ứng với từng ngôn ngữ) dưới nhiều hình thức như quảng cáo, thông báo, báo cáo, biên bản ghi nhớ, bài báo, bản nhận xét, trích đoạn văn học, bài báo chuyên ngành, trích đoạn sách giáo khoa, sách tham khảo; các văn bản có độ khó tăng dần, độ khó của văn bản thuộc bậc ba, bậc bốn

**3. Bài thi Viết**

- Thời gian: 60 -70 phút
- Số lượng: 2 tác vụ

*Tác vụ 1*

- Kiểm tra kỹ năng viết các văn bản có độ dài vừa phải như viết báo cáo, viết thư công việc, mô tả biểu bảng, tả tranh v.v
- Đánh giá: Kỹ năng tóm tắt ý chính, diễn giải các thông tin một cách mạch lạc / kỹ năng sử dụng các chức năng ngôn ngữ để đạt được những mục đích giao tiếp cụ thể; sắp xếp ý thành câu và đoạn, đưa dấu hiệu về các quan hệ lô-gíc, sử dụng các công cụ liên kết văn bản
- Ngữ liệu: Các hình vẽ, biểu đồ, sơ đồ hoặc các đoạn văn bản ngắn

*Tác vụ 2*

- Kiểm tra kỹ năng viết một bài luận về một chủ đề cho trước
- Đánh giá: Kỹ năng viết bài luận rõ ràng, mạch lạc về chủ đề phức tạp, nhấn mạnh những điểm quan trọng; kỹ năng viết một văn bản mở rộng và bảo vệ quan điểm bằng các lý lẽ và ví dụ hợp lý
- Ngữ liệu: Chủ đề có tính trừu tượng, phức tạp

#### 4. Phần Từ vựng- ngữ pháp (có thể lồng ghép vào bài thi Đọc – Viết)

- Thời gian: 15 - 30 phút
- Số lượng: 15-40 câu hỏi trắc nghiệm 4 lựa chọn

\* Riêng tiếng Nhật có thêm nội dung chữ Hán trong phần thi.

#### 5. Bài thi Nói

- Hình thức: cá nhân (1 thí sinh / lượt)
- Thời gian: 10 phút
- Số lượng: 3 phần thi
- Kiểm tra đa dạng khả năng trả lời các câu hỏi ngắn không có thời gian chuẩn bị, tranh / đọc thoại hoặc đối thoại / tranh luận dài có thời gian chuẩn bị, khả năng trình bày theo tình huống và theo chủ đề
- Đánh giá: Kỹ năng phản hồi nhanh; phát triển ý, giải thích, trình bày có lý lẽ và đánh giá các quan điểm; diễn đạt trôi chảy các quan tâm của cá nhân; kỹ năng trình bày về một vấn đề một cách rõ ràng, có cấu trúc chặt chẽ; kỹ năng so sánh, đối chiếu, tổng hợp, khái quát và tóm tắt nội dung; kỹ năng trình bày quan điểm, mở rộng và hỗ trợ quan điểm bằng những ý nhỏ và ví dụ thuyết phục; kỹ năng thảo luận về 2 luồng ý kiến trái chiều của một chủ đề phức tạp, nguyên nhân - kết quả, đề xuất giải pháp, dự đoán tương lai, thỏa thuận, tìm kiếm sự đồng thuận của người tham thoại; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các yếu tố cận ngôn.

## II. CÁCH TÍNH ĐIỂM BÀI THI

Kết quả của bài thi là trung bình cộng của các điểm thành phần.

(Điểm để lẻ đến 0,5. VD: 5.5. Quy tắc quy điểm: dưới 0.25 quy về 0.0; từ 0.25 quy về 0.5)

| Các bậc năng lực    | Tổng điểm  |
|---------------------|------------|
| Đạt CĐR bậc 5       | 5.0 – 10.0 |
| Không đạt CĐR bậc 5 | < 5.0      |

